

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 12-3-2021  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Hoàng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Tô Văn Nhung;

Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1023/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Thu M, sinh năm 1981; thường trú: 249 đường V, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Đình Đ, sinh năm 1981; thường trú: 197 phố N, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương; tạm trú: 35/1 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Đình H, sinh năm 1954 và bà Trần Thị M1, sinh năm 1962; cùng địa chỉ: 197 phố N, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trương Thị Thu M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thu M và anh Vũ Đình Đ tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 09/02/2004.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống trong việc nuôi dạy con cái nên chị M và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh Vũ Đình Đ có 01 người con chung là Vũ Diệp T, sinh ngày 26/3/2005. Chị M đồng ý giao con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng do cháu T đang sinh sống ở quê với ông bà nội ổn định, anh Đ vẫn đi lại thăm con, cháu T có nguyện vọng ở với ba. Chị M không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Vũ Đình Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đình Đ thống nhất với phần trình bày của chị Trương Thị Thu M về việc hai người tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và anh Đ đã sống ly thân với chị M 13 năm. Nay anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn với chị M.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị M và anh Đ có 01 con chung tên là Vũ Diệp T, sinh ngày 26/3/2005. Sau khi ly hôn, anh Đ thống nhất anh sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ thống nhất ý kiến của chị M, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Lời khai trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đình H và bà Trần Thị M1 thống nhất trình bày:*

Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Vũ Đình Đ, chị M là con dâu. Sau khi kết hôn, anh Đ và chị M không sống chung với ông bà, gửi cháu Vũ Diệp T cho ông bà chăm sóc. Hiện cháu Vũ Diệp T hiện đang sống với ông bà, thỉnh thoảng anh chị về thăm cháu. Nay việc ly hôn giữa anh Đ và chị M thì ông bà đồng ý, đối với cháu T hiện do cháu đang học hành ổn định ở quê nội nên đề nghị Tòa án giao cháu T cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

*Ngày 29/12/2020 Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Trương Thị Thu M và anh*

*Vũ Đình Đ tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường Đông Hòa và được cung cấp như sau:* Trước khi khởi kiện ly hôn tại Tòa án, chị M không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thì vấn đề mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung thì Hội Liên hiệp phụ nữ phường Đông Hòa không rõ vì không có thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định.

*Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn chị Trương Thị Thu M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; bị đơn anh Vũ Đình Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đình H và bà Trần Thị M1 đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ các điều 207 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thu M và anh Vũ Đình Đ là vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 09/02/2004 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị M xác định trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được với nhau, hiện nay anh chị sống ly thân và yêu cầu được ly hôn. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và triệu tập anh Vũ Đình Đ đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đ xin vắng mặt, không đồng ý tham gia hòa giải, điều này càng chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn, tại bản tự khai anh Đ cũng nêu ý kiến đồng ý ly hôn với chị M. Vì vậy, chị M yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị M và anh Đ có một người con chung tên là Vũ Diệp T, sinh ngày 26/3/2005. Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét, hiện nay cháu T đang do ông bà nội Vũ Đình H và Trần Thị M1 trực tiếp nuôi dưỡng. Lời khai của anh Đ, ông H và bà M1 thể hiện việc chị M, anh Đ có gửi cháu T cho ông, bà nội chăm sóc nhưng anh Đ, chị M vẫn đi về thăm con,

giáo dục con. Tại bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, cháu T xác định có nguyện vọng được ở với bố chứng tỏ việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh Đ với sự hỗ trợ của ông bà nội hiện rất tốt. Đồng thời, chị M cũng tự nguyện giao cháu T cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Như vậy việc Tòa án giao con chung Vũ Diệp T cho anh Vũ Đình Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp điều kiện sống hiện tại, bảo đảm cho cháu có môi trường sống, học tập ổn định, phát triển toàn diện và cũng đáp ứng được nguyện vọng của cháu T, của ông H và bà M1 cũng như chị M, anh Đ. Do đó, để bảo đảm quyền lợi của con chung, chị M yêu cầu giao con chung Vũ Diệp T cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh Vũ Đình Đ tự nguyện không yêu cầu chị Trương Thị Thu M cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Thu M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Thu M về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Vũ Đình Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thu M được ly hôn với anh Vũ Đình Đ (Giấy chứng nhận kết hôn 06 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình cấp vào ngày 09/02/2004).

- Về con chung: Chị Trương Thị Thu M giao con chung tên Vũ Diệp T, sinh ngày 26/3/2005 cho anh Vũ Đình Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Vũ Đình Đ không yêu cầu chị Trương Thị Thu M cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, chị Trương Thị Thu M và anh Vũ Đình Đ đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có

yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Thu M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0049008 ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND xã C,
- huyện T, tỉnh Quảng Bình;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Hoàng**